

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn thực hiện các khoản
thu, chi trong trường học
năm học 2021-2022

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Trung tâm GDNV-GDTX các huyện, thành phố;
- Các trường trung học phổ thông;
- Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (sau đây gọi là Thông tư số 55);

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi là Thông tư số 16);

Căn cứ Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2020-2021; 2021-2022 và công tác chỉ đạo điều hành giá năm 2021;

Căn cứ Công văn số 3277/BGDĐT-KHTC ngày 04/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chia sẻ khó khăn, hỗ trợ học sinh, sinh viên và phụ huynh trong tình hình dịch bệnh Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 39);

Căn cứ Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 41);

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 04/11/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thu tiền cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ năm học 2008-2009 và các năm tiếp theo (sau đây gọi là Quyết định số 1318).

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc thực hiện các khoản thu, chi trong nhà trường đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong năm học 2021-2022, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
CÁC KHOẢN THU

A. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

I. KHOẢN THU HỌC PHÍ

1. Quy định về mức thu

a) Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông

Đơn vị tính: Đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn		Khu vực miền núi
			Vùng đồng bằng	Vùng các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn	
1	Mầm non				
a	Nhà trẻ	135.000	85.000	57.000	57.000
b	Mẫu giáo	113.000	73.000	51.000	51.000
2	Trung học cơ sở	107.000	57.000	39.000	39.000
3	Trung học phổ thông	130.000	85.000	51.000	51.000

b) Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên: Được áp dụng mức thu học phí tương ứng với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 mục I.

2. Quy định về khu vực

a) Khu vực thành thị

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại phường: Tân Thành, Nam Thành, Vân Giang, Ninh Phong, Nam Bình, Thanh Bình, Ninh Khánh, Phúc Thành, Đông Thành, Ninh Sơn, Bích Đào của thành phố Ninh Bình.

b) Khu vực nông thôn

- Đối với thành phố Ninh Bình: học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Tiến, Ninh Phúc.

- Đối với huyện Hoa Lư: học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh An, Ninh Giang, Ninh Khang, Ninh Mỹ và thị trấn Thiên Tôn.

- Đối với huyện Gia Viễn: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Gia Phú, Gia Thắng, Gia Tiến, Gia Tân, Gia Trung, Gia Phong, Gia Lạc, Gia Trấn, Gia Xuân, Gia Lập và thị trấn Me.

- Đối với huyện Yên Khánh: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Khánh Hòa, Khánh Phú, Khánh An, Khánh Cư, Khánh Vân, Khánh Hải, Khánh Lợi, Khánh Tiên, Khánh Thiện, Khánh Hồng, Khánh Hội, Khánh Nhạc, Khánh Mậu, Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Thành, Khánh Công, Khánh Thủy và thị trấn Yên Ninh.

- Đối với huyện Yên Mô: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Yên Hưng, Khánh Thịnh, Yên Từ, Khánh Dương, Yên Phong, Yên Nhân, Yên Mỹ và thị trấn Yên Thịnh.

- Đối với huyện Kim Sơn: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Văn Hải, Yên Lộc, Kim Chính, Kim Định, Như Hòa, Ân Hòa, Định Hóa, Thượng Kiêm, Đồng Hướng, Chát Bình, Tân Thành, Hùng Tiến, Lưu Phương, Quang Thiện, Lai Thành, Hối Ninh, Xuân Chính, Kim Đông, Cồn Thoi, thị trấn Bình Minh và thị trấn Phát Diệm.

c) Khu vực các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn: Xã Kim Tân, Kim Mỹ, Kim Hải, Kim Trung của huyện Kim Sơn.

d) Khu vực miền núi

- Đối với thành phố Ninh Bình: học sinh có hộ khẩu thường trú tại xã Ninh Nhất.

- Đối với huyện Hoa Lư: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Ninh Vân, Ninh Thắng, Ninh Hải, Ninh Xuân, Trường Yên, Ninh Hòa.

- Đối với huyện Gia Viễn: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Gia Hòa, Gia Hưng, Liên Sơn, Gia Thịnh, Gia Vượng, Gia Minh, Gia Thanh, Gia Vân, Gia Phương, Gia Sinh.

- Đối với huyện Nho Quan: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Xích Thổ, Gia Sơn, Gia Thủy, Gia Tường, Đức Long, Gia Lâm, Lạc Vân, Phú Sơn, Thạch Bình, Đồng Phong, Lạng Phong, Văn Phong, Văn Phương, Yên Quang, Cúc Phương, Thượng Hòa, Văn Phú, Kỳ Phú, Phú Long, Phú Lộc, Quỳnh Lưu, Quảng Lạc, Sơn Hà, Sơn Lai, Sơn Thành, Thanh Lạc và thị trấn Nho Quan.

- Đối với thành phố Tam Điệp: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các phường (xã): Bắc Sơn, Nam Sơn, Trung Sơn, Đông Sơn, Quang Sơn, Yên Bình, Yên Sơn, Tân Bình, Tây Sơn.

- Đối với huyện Yên Mô: học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã Yên Hòa, Mai Sơn, Yên Thành, Yên Lâm, Yên Thái, Yên Thắng, Khánh Thượng, Yên Đồng, Yên Mạc.

đ) Việc áp dụng mức thu theo khu vực

- Khu vực các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn: Khi các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền công nhận lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới trong năm thì học sinh có hộ khẩu thường trú trên địa bàn các xã được áp dụng mức học phí khu vực đó đến hết năm; từ năm tiếp theo học sinh các xã này áp dụng mức học phí khu vực nông thôn.

- Khu vực thuộc địa bàn các huyện, thành phố (trừ khu vực thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo) dùng làm căn cứ thu học phí được áp dụng theo hướng dẫn nêu trên cho đến khi có quy định mới của cấp thẩm quyền thì sẽ thực hiện mức thu theo khu vực mới được quy định.

3. Thời gian thu học phí

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên: Thu theo số tháng thực học.

b) Đối với cơ sở giáo dục phổ thông (trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học): Thu 09 tháng/năm học.

Trường hợp trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, giáo dục thường xuyên ngừng đến trường để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học qua Internet, dạy học trên truyền hình hoặc thời gian học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học để đảm bảo đúng quy định và thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch.

II. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI HỌC PHÍ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

1. Danh mục các khoản thu: Bao gồm các khoản thu có quy định mức tối đa, các khoản thu không quy định mức tối đa (theo phụ lục đính kèm).

2. Nguyên tắc thu

a) Các khoản thu, mức thu phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức tối đa đối với những khoản thu có quy định mức tối đa. Việc thỏa thuận thực hiện bằng văn bản.

b) Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung được ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

d) Tùy theo tình hình, điều kiện thực tế về việc tổ chức các dịch vụ phục vụ và các hoạt động giáo dục cần thiết khác tại mỗi cơ sở giáo dục; căn cứ vào nhu cầu của học sinh, thu nhập của cha mẹ học sinh mà mỗi cơ sở giáo dục cần thống nhất với cha mẹ học sinh về việc lựa chọn các dịch vụ và hoạt động giáo dục khác phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện. Các cơ sở giáo dục không được tự áp đặt đối với học sinh, cha mẹ học sinh về việc sử dụng các dịch vụ phục vụ và tổ chức các hoạt động giáo dục khác khi chưa có sự đồng thuận, thống nhất giữa cơ sở giáo dục và cha mẹ học sinh. Mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục phải xây dựng toán chi cụ thể để làm cơ sở xác định mức thu đối với học sinh.

III. KHOẢN THU TIỀN CẤP BẢN SAO BẰNG TỐT NGHIỆP VÀ CHỨNG CHỈ CÁC LOẠI

- Mức thu tiền mua phôi bản sao bằng tốt nghiệp: 6.000 đồng/chiếc.

- Mức thu tiền mua phôi chứng chỉ các loại: 5.000 đồng/chiếc.

IV. TÀI TRỢ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1405/SGDDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy định về

tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. CÁC KHOẢN THU KHÁC

1. Bảo hiểm thân thể cho học sinh

Đây là khoản thu tự nguyện, cha mẹ học sinh có quyền lựa chọn các loại hình bảo hiểm vì vậy không được đưa khoản thu này là khoản thu bắt buộc trong nhà trường. Nhà trường tạo điều kiện và phối hợp với các tổ chức bảo hiểm triển khai thực hiện công tác bảo hiểm cho học sinh, chú trọng công tác tuyên truyền vận động học sinh tự nguyện tham gia, góp phần bảo vệ chăm sóc sức khỏe học sinh. Khoản thu này do tổ chức bảo hiểm thu.

2. Bảo hiểm y tế cho học sinh

Thực hiện theo Văn bản liên ngành số 890/LN-GDDĐT-BHXXH ngày 28/7/2021 của Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình về việc triển khai Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2021-2022.

3. Quỹ Đoàn, Đội

Do các tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường thu, chi và quản lý, mức thu thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn số 01-HD/TĐTN-SGDĐT ngày 26/9/2017 của Tỉnh Đoàn - Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và quản lý quỹ Đoàn, Đội trong trường học.

4. Đồng phục học sinh

Quần áo đồng phục học sinh thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên. Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, được cha mẹ học sinh đồng thuận về chủ trương, Hiệu trưởng quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần. Phụ huynh học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc may hoặc mua đồng phục cho học sinh theo kế hoạch đã thống nhất với nhà trường.

B. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động dạy học (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù chi và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí và giá các khoản dịch vụ do đơn vị mình quyết định.

C. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lấy từ nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh (*không quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh*); nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh:

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có được từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được trích từ kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trường ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện học sinh trường.

Ban đại diện cha mẹ học sinh không được quyền góp của người học hoặc gia đình người học các khoản ủng hộ không theo nguyên tắc tự nguyện; không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường.

Phần thứ hai

CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP BÙ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản hướng dẫn sau khi Chính phủ ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Phần thứ ba

QUY ĐỊNH VỀ CHI

A. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

I. HỌC PHÍ

1. Học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

- Dành 40% số tiền học phí thu được để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ.

- Phần kinh phí còn lại sử dụng cho các nhiệm vụ của nhà trường thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Học phí đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên: Toàn bộ học phí được sử dụng cùng với ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

II. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Đối với khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức tối đa

1.1. Tiền trông giữ xe đạp, xe máy tại trường học

Nội dung chi: Chi trả tiền công cho nhân viên, bảo vệ trông giữ xe và chi phí có liên quan khác đến việc đảm bảo an ninh, an toàn xe đạp, xe máy tại trường học.

Mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.2. Tổ chức ăn bán trú

a) Tiền ăn đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học: Bao gồm các khoản chi phí mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị, nước rửa bát và chi phí khác có liên quan phục vụ cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học ăn tại trường.

b) Tiền ăn đối với học sinh trường THPT Dân tộc nội trú: Bao gồm các khoản chi phí mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị, nước rửa bát và chi phí khác có liên quan phục vụ học sinh ăn tại trường.

c) Tiền chăm sóc bán trú đối với cấp học mầm non, tiểu học: Bao gồm tiền chi bồi dưỡng trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công và tiền thuê người nấu ăn (không bao gồm kinh phí đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ, các nguồn kinh phí khác đã được bố trí trong dự toán của đơn vị).

d) Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng nhà bếp phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú đối với cấp học mầm non, tiểu học:

- Thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp): Chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn (xoong, nồi, bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá, giá để bát đĩa, cối xay thịt, cối xay cua, chảo, lò vi sóng, nồi nấu cơm ga, tủ nấu cơm ga, nồi nấu cơm điện, nồi nấu cháo điện, bếp ga, bếp điện, bếp từ, xe đẩy thức ăn, dụng cụ chia đồ ăn, máy sấy bát, máy giặt đồ dùng của trẻ và các đồ dùng, dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn); Chi phí mua đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (khăn mặt, ca, cốc, xô vệ sinh, bát, đĩa, thìa, chăn, chiếu, gối, đệm, thảm trải sàn mùa đông và đồ dùng cá nhân khác).

- Thu bổ sung hàng năm để đầu tư thay thế dụng cụ, đồ dùng nhà bếp, đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú: Dụng cụ, đồ dùng nhà bếp (xoong, nồi, bát, đĩa, dao, thớt, rổ, rá, giá để bát đĩa, cối xay thịt, cối xay cua, chảo, lò vi sóng, nồi nấu cơm ga, tủ nấu cơm ga, nồi nấu cơm điện, nồi nấu cháo điện, bếp ga, bếp điện, bếp từ, xe đẩy thức ăn, dụng cụ chia đồ ăn, máy sấy bát, máy giặt đồ dùng của trẻ và các đồ dùng, dụng cụ khác liên quan đến phục vụ nấu ăn); đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú (khăn mặt, ca, cốc, xô vệ sinh, bát, đĩa, thìa, chăn, chiếu, gối, đệm, thảm trải sàn mùa đông và đồ dùng cá nhân khác).

Hàng năm, vào thời điểm đầu năm học các cơ sở giáo dục thành lập ban kiểm tra, rà soát, kiểm kê các đồ dùng, dụng cụ nhà bếp và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú. Xác định nhu cầu cần mua sắm bổ sung trong năm học và lập dự toán kinh phí mua sắm, bàn bạc, thống nhất với cha mẹ học sinh. Trên cơ sở dự toán mua sắm đã thống nhất, xác định mức thu và thỏa thuận với cha mẹ học sinh đảm bảo mức thu phù hợp đối tượng học sinh tuyển đầu cấp và học sinh đang theo học tại trường.

1.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào các ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính

a) Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào các ngày nghỉ thứ 7, ngày hè

Nội dung chi: Bao gồm chi phí bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên nấu ăn, nhân viên khác được phân công và các chi phí khác có liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

b) Trông trẻ ngoài giờ hành chính (từ sau 17h00 hàng ngày): Chi phí công tác quản lý và bồi dưỡng giáo viên trực tiếp trông giữ trẻ ngoài giờ.

1.4. Thẻ học sinh: Chi phí thực tế làm thẻ cho học sinh.

1.5. Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, 2 và dạy học tiếng Anh đối với học sinh phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12

a) Làm quen Tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, 2 (giáo viên là người Việt Nam)

- Đối với trẻ mẫu giáo: Việc tổ chức làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình làm quen Tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo. Nội dung chi bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy; chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10%. Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

- Đối với học sinh lớp 1, 2: Việc tổ chức làm quen tiếng Anh đối với học sinh lớp 1, 2 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Nội dung chi bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy; chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10% . Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

Trường hợp nhà trường bố trí, phân công giáo viên trong biên chế của nhà trường để tổ chức dạy làm quen tiếng Anh đối với học sinh lớp 1, 2. Nội dung chi bao gồm chi thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (chỉ tính chi trả đối với giáo viên dạy vượt giờ nghĩa vụ, số tiền chi trả vượt giờ dạy thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập); chi phí công tác quản lý của nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10% .

b) Làm quen tiếng Anh đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1,2 và dạy học tiếng Anh đối với học sinh phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12 (giáo viên là người nước ngoài)

Nội dung chi: Bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy, chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường và các chi phí khác có liên quan.

Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.6. Dạy thêm, học thêm

- Nội dung chi: Bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy thêm, công tác quản lý dạy thêm, học thêm của nhà trường; chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm.

- Cơ cấu chi, định mức chi: Do nhà trường thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.7. Làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1, 2

Việc tổ chức làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1, 2 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Nội dung chi bao gồm chi phí thực tế thuê giáo viên hợp đồng để giảng dạy; chi phí cho công tác quản lý tại nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10%. Cơ cấu chi, mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

Trường hợp nhà trường bố trí phân công giáo viên trong biên chế của nhà trường để tổ chức dạy làm quen Tin học đối với học sinh lớp 1, 2. Nội dung chi bao gồm chi thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (chỉ tính trả tiền giờ dạy cho giáo viên có số tiết dạy vượt giờ nghĩa vụ, mức chi trả vượt giờ được tính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập); chi phí công tác quản lý của nhà trường tối đa là 15% và các chi phí khác có liên quan (tiền điện, nước, tài liệu) tối đa là 10%.

1.8. Học phẩm phục vụ các kỳ thi, kiểm tra: bao gồm chi phí thực tế mua giấy thi, giấy nháp, photo đề thi phục vụ các kỳ thi, kiểm tra tại nhà trường trong năm học.

1.9. Vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh: bao gồm các chi phí thực tế tiền công hợp đồng thuê người quét dọn, vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh; chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh (gang tay, chổi, xô, chậu, nước vệ sinh, giấy vệ sinh, xà phòng, nước tẩy vệ sinh, nước lau sàn, nước rửa tay dùng trong nhà vệ sinh, nước sát khuẩn) và các chi phí khác có liên quan.

Mức chi do các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.10. Nước uống, nước sinh hoạt cho học sinh (không bao gồm trường THPT Dân tộc nội trú): bao gồm chi phí thực tế tiền nước uống, nước sinh hoạt

và các chi phí khác trực tiếp có liên quan đến việc cung cấp nước uống, nước sinh hoạt cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại trường.

Mức chi do các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

1.11. Tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày (sinh hoạt câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống) do nhà trường tổ chức thực hiện đối với học sinh tiểu học đến thời điểm được cha mẹ đón về nhà (đối với các trường tiểu học tổ chức dạy 02 buổi/ngày, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)

a) Nguyên tắc, quỹ thời gian tổ chức:

- Việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về. Quỹ thời gian để tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức buổi 2 trong ngày được xác định là 60 phút (từ 16h00 khi kết thúc tiết học thứ 3 đến 17h00 khi cha mẹ học sinh đón về nhà) tương ứng với 1,5 tiết.

- Việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày, căn cứ nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày được thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc tổ chức các hoạt động này phải được xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm cụ thể với yêu cầu đảm bảo an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra.

- Việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống ngoài giờ chính khóa không thuộc chương trình, kế hoạch giáo dục do các cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt, thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

b) Nội dung chi: Bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp tổ chức các hoạt động, công tác quản lý của nhà trường và các chi phí khác trực tiếp có liên quan.

c) Cơ cấu chi, định mức chi: Do nhà trường thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Đối với khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức tối đa

a) Nội dung chi:

- Tiền điện phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh: Bao gồm chi phí thực tế điện năng tiêu hao do sử dụng các thiết bị điện điều hòa, quạt mát, bình nóng lạnh, điện chiếu sáng cho học sinh; chi phí mua sắm, sửa chữa các thiết bị điện phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.

- Tiền xe đưa đón học sinh: Chi phí thuê phương tiện đưa, đón học sinh từ nhà đến trường và ngược lại theo hợp đồng ký kết.

- Sổ liên lạc điện tử, sổ theo dõi trẻ điện tử: Chi phí thực tế phải trả do sử dụng dịch vụ nhà trường, cha mẹ trẻ đã thống nhất với nhà cung cấp trên cơ sở hợp đồng hoặc văn bản đã được thống nhất.

- Sách giáo khoa, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi và học liệu: Chi phí mua sách, tài liệu theo giá bìa hoặc giá bán của nhà cung cấp; chi phí mua đồ dùng, đồ chơi và học liệu theo giá bán của nhà cung cấp phù hợp với giá cả thị trường.

- Dạy kỹ năng sống (do tổ chức được cấp phép triển khai tại nhà trường): Chi phí thực tế phải trả cho bên cung cấp dịch vụ theo hợp đồng ký kết giữa nhà trường và bên cung cấp dịch vụ.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp: Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung chi bao gồm chi phí trả thù lao cho giáo viên trực tiếp tổ chức các hoạt động, công tác quản lý của nhà trường và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức các hoạt động. Cơ cấu chi, mức chi do các đơn vị tính toán xây dựng, thống nhất và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường: Bao gồm toàn bộ chi phí tổ chức hoạt động trải nghiệm như tiền thuê phương tiện đi lại, tiền ăn, tiền ngủ và các khoản chi phí khác phục vụ trực tiếp hoạt động trải nghiệm.

b) Nguyên tắc chi: Trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, quyết toán chi là toàn bộ chi phí thực tế đã thực hiện, được công khai, minh bạch trong nhà trường và cha mẹ học sinh.

III. KINH PHÍ CẤP BẢN SAO BẰNG TỐT NGHIỆP VÀ CHỨNG CHỈ CÁC LOẠI: Được thực hiện để chi phí mua phôi bản sao bằng tốt nghiệp và phôi chứng chỉ.

IV. KHOẢN TÀI TRỢ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Các cơ sở giáo dục thực hiện vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho cơ sở giáo dục, thực hiện theo Công văn số 1405/SGDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. CÁC KHOẢN KHÁC

1. Khoản quy định của các tổ chức: Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, đồng phục học sinh: Nội dung chi, định mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hướng dẫn riêng của từng tổ chức thu. Không được thu thêm hoặc thu cao hơn mức đã được quy định của các tổ chức thu.

2. Đồng phục học sinh: Các trường học thống nhất quy định kiểu dáng, màu sắc ổn định để học sinh có thể sử dụng cho nhiều năm học. Trường hợp cần có sự

thay đổi về kiểu dáng, màu sắc đồng phục phải được sự đồng ý của Hội đồng trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức may hoặc mua đồng phục theo hình thức phù hợp.

B. ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP

Các cơ sở giáo dục ngoài công lập sử dụng học phí và giá các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động dạy học (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) theo nguyên tắc tự bảo đảm thu, chi và chịu trách nhiệm về quản lý tài chính đối với hoạt động của mình. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

C. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH

- Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp chủ trì phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp dự kiến kế hoạch chi tiêu kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi đã được toàn thể các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp thống nhất ý kiến.

- Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Hiệu trưởng để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến.

- Việc thu, chi kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thu và quản lý sử dụng. Trường hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhờ nhà trường thu và giữ hộ, yêu cầu phải có văn bản đề nghị của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Việc thu, chi và quản lý kinh phí đóng góp, tài trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ; sau khi chi tiêu phải báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

Phần thứ tư

CÔNG TÁC TỔ CHỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN KINH PHÍ

1. Đối với công tác thu học phí, thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu khác tại các cơ sở giáo dục (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX): Thực hiện Công văn số 1657/SGDĐT-KHTC ngày 06/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy nhanh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục. Riêng đối với khoản thu học phí, khi thu phải viết hóa đơn thu phát cho học sinh theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Nhà trường không được quy định bắt ép học sinh hoặc cha mẹ học sinh phải đóng nộp các khoản học phí một lần/học kỳ hoặc cả năm học, gây khó khăn về kinh tế cho gia đình người học. Tiền học phí thu được các cơ sở giáo dục gửi toàn bộ vào ngân hàng thương mại hoặc kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để quản lý, sử dụng theo quy định.

3. Đối với mỗi khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, các cơ sở giáo dục phải xây dựng dự toán thu, chi đồng thời tổ chức công khai, thống nhất và thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh làm căn cứ triển khai thực hiện.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường, đời sống và kinh tế của người dân đang gặp nhiều khó khăn. Các cơ sở giáo dục rà soát, tổ chức công tác dạy học hợp lý, đảm bảo yêu cầu chất lượng; cắt giảm tối đa các chi phí, tiết giảm các khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo chưa thực sự cấp bách và cần thiết, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng “lạm thu” đầu năm học. Phân kỳ các khoản thu hợp lý trong năm học để phù hợp với khả năng đóng nộp của học sinh và cha mẹ học sinh.

4. Tất cả các khoản thu, chi tại đơn vị phải theo dõi, cập nhật, hạch toán trên hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính của đơn vị. Các khoản chi phải chấp hành đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn do các cơ quan có thẩm quyền ban hành, sử dụng các nguồn kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Các khoản thu, chi tài chính tại các đơn vị phải thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo giao Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố hướng dẫn việc thực hiện đồng thời thường xuyên kiểm tra công tác thu, chi, quản lý và sử dụng các khoản thu đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn; tham mưu cho UBND các huyện, thành phố chấn chỉnh tình trạng lạm thu, xử lý nghiêm theo quy định đối với đơn vị, cá nhân, người đứng đầu cơ sở giáo dục có sai phạm. Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổng hợp các khoản thu đầu năm học báo cáo UBND các huyện, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01/10/2021.

7. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thực hiện các khoản thu, chi trong đơn vị mình quản lý.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2021-2022. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc, trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXXH HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Các đ/c lãnh đạo Sở;
- Các phòng ban Sở;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Khuyên

